TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **44**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
V/v:"Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tân, bà Ngô Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn*: Chị Lã Thị T, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**/ Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1972; Nơi ĐKNKTT: thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở hiện nay: thôn TL, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/7/2019, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Lã Thị T: Chị T và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Văn Q, sinh năm 1996, hiện cháu đã đủ tuổi trưởng thành và sống riêng. Về tài sản chung và nợ chung không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh T thường xuyên

rượu chè, không lo cho vợ con, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, anh chị bắt đầu sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không còn duy trì vì vậy việc ly hôn là cần thiết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T. Về con chung, tài sản chung và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị T và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo hòa giải đoàn tụ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2019 tại Công an xã G thì anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã G, huyện M, nhưng hiện nay anh T đang sinh sống tại thôn TL, xã G, huyện M. Tại thời điểm xác minh anh T đang sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Lã Thị T đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lã Thị T, chị Lã Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T; Về con chung, Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Lã Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lã Thị T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Phạm Văn T có Hộ khẩu thường trú tại: thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông và cư trú tại: thôn TL, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh Phạm Văn T hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh T cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của anh T đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn T là phù hợp.

Ngày 07/10/2019 nguyên đơn chị Lã Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Lã Thị T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị T và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau năm 1995, khi lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc.

[5] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Trong thời gian chung sống Anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh T thường xuyên rượu chè, không lo cho vợ con, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, anh chị bắt đầu sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

[6] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, cuộc sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lã Thị T

[7] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Văn Q, sinh năm 1996, đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[8] Tài sản chung và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[9] Về án phí: Chị Lã Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lã Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Lã Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001671 ngày 22/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
-UBND xã G, huyện M;
-UBND xã C, huyện K,tỉnh Ninh Bình;
-Các đương sự;
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh